

Số: **93/2022/QĐST-DS**

Đông Anh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21/4/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 146/2021/TLST-DS ngày 12/10/2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 35 X2, phường Y2, quận Z2, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức L- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Bùi Quang M và ông Phạm Quốc N- Đều là cán bộ Phòng khách hàng doanh nghiệp 5- Ngân hàng A_Chỉ nhánh Đông Hà Nội.

Bị đơn: 1. Anh Đặng Văn B, sinh năm 1984.

2. Chị Đỗ Thị Hải C, sinh năm 1988.

Đều có địa chỉ: Xóm X, xã Y, huyện Z, TP. Hà Nội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Minh D, sinh năm 1958.

2. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1959.

Đều có địa chỉ: Xóm X, xã Y, huyện Z, TP. Hà Nội.

3. Ông Đỗ Duy F, sinh năm 1961.

4. Bà Vương Thị G, sinh năm 1966.

5. Cụ Đỗ Văn H, sinh năm 1933.

6. Anh **Đỗ Mạnh I**, sinh năm 1993.

7. Chị **Nguyễn Thị Bích K**, sinh năm 1993.

Đều có địa chỉ: Xóm X1, xã Y, huyện Z, TP. Hà Nội.

Anh B là đại diện theo ủy quyền của chị C, ông D, bà E.

Bà G là đại diện theo ủy quyền của ông F, cụ H, anh I, chị K.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về dư nợ: Tính đến thời điểm ngày 21/4/2022, theo các Hợp đồng tín dụng, anh Đặng Văn B và chị Đỗ Thị Hải C còn nợ Ngân hàng A số tiền như sau:

*** Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4508491/HĐTD ký kết ngày 01/6/2018:**

+ Nợ gốc: 4.171.250.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.141.709.315 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 16.041.147 đồng.

+ Nợ lãi chậm trả: 137.792.137 đồng.

Tổng cộng: 5.466.792.599 đồng.

*** Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2018/4508491/HĐTD ký kết ngày 11/9/2018:**

+ Nợ gốc: 3.000.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 704.871.233 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 255.908.220 đồng.

+ Nợ lãi chậm trả: 81.028.704 đồng.

Tổng cộng: 4.041.808.157 đồng.

Tổng cộng dư nợ của các hợp đồng tín dụng:

+ Nợ gốc: 7.171.250.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.846.580.547 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 271.949.366 đồng.

+ Nợ lãi chậm trả: 218.820.841 đồng.

Tổng cộng: **9.508.600.755** (Chín tỷ, năm trăm linh tám triệu, sáu trăm nghìn, bảy trăm năm mươi lăm) đồng.

2. Về tài sản bảo đảm: Các tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên của anh B, chị C là:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 98, tờ bản đồ số 99, địa chỉ: Xóm Trong, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 459907 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 21/09/2006 cho anh Đặng Văn B và chị Đỗ Thị Hải C.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 101, địa chỉ: Xóm Ngoài, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 504233 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 17/8/2011 cho ông Đỗ Duy F.

3. Về phương án trả nợ: Nay các bên thống nhất phương án trả nợ của anh B, chị C cho Ngân hàng A như sau:

- Về lãi suất: Ngân hàng vẫn tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/4/2022 tương ứng với số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất đã thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết khoản nợ.

- Từ tháng 5 năm 2022 đến hết tháng 8 năm 2022 (Tương đương với 4 tháng), anh B, chị C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng.

- Đến hết tháng 9 năm 2022, anh B, chị C có trách nhiệm tất toán (trả toàn bộ) cho ngân hàng số nợ gốc, lãi còn lại.

- Toàn bộ số tiền nếu anh B, chị C trả được sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc của Hợp đồng tín dụng trước.

- Trường hợp anh B, chị C trả nợ không đầy đủ hoặc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào theo cam kết ở trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm ở Mục 2 để thu hồi nợ.

4. Về án phí: Anh Đặng Văn B và chị Đỗ Thị Hải C liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là **58.754.000** (Năm mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn) đồng.

Ngân hàng A được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **58.345.000** (Năm mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **45361** ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

(Đã ký)

Nguyễn Lâm Bình